

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 512 /DVKT - VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Về việc công bố Báo cáo tài chính  
Công ty Mẹ năm 2014 đã kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Cơ quan đại diện của Ủy ban Chứng khoán nhà nước tại TPHCM  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Công ty Mẹ - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam năm 2014 đã kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ trước và sau kiểm toán.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Website: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Người công bố thông tin**



**Nguyễn Đức Thủy**

# Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
DẦU KHÍ VIỆT NAM (CÔNG TY MẸ)**

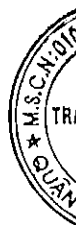
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 36



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mão	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2014)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

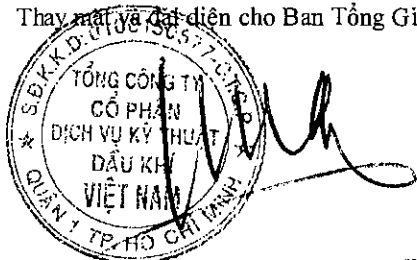
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Thanh Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Uuu*

*Cay*

500-  
NHÀ  
NG 7  
HIỆM  
OIT  
T N/  
P. HỒ

Số: 392/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1867-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

102  
H  
Y  
JUN  
TE  
M  
CH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

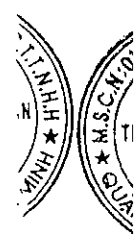
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>8.868.822.203.910</b>	<b>8.319.445.687.045</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.891.236.059.482</b>	<b>2.924.233.070.863</b>
1. Tiền	111		811.389.176.704	1.350.689.753.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.079.846.882.778	1.573.543.317.060
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.563.894.703.992</b>	<b>4.952.308.965.638</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.026.058.643.742	2.755.000.018.894
2. Trả trước cho người bán	132		353.835.603.291	54.397.096.013
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	2.216.746.091.599	2.161.740.266.559
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(32.745.634.640)	(18.828.415.828)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>379.898.945.544</b>	<b>408.228.713.351</b>
1. Hàng tồn kho	141		381.948.376.639	409.978.698.999
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.049.431.095)	(1.749.985.648)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.792.494.892</b>	<b>34.674.937.193</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.988.264.259	4.837.557.289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.279.579.996	27.805.659.698
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.524.650.637	2.031.720.206
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>6.919.083.612.133</b>	<b>7.160.680.492.336</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	684.403.704
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	578.011.961
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(1.262.415.665)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.059.200.620.435</b>	<b>1.309.142.827.249</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	972.428.531.554	1.292.752.422.310
- Nguyên giá	222		4.037.652.346.224	4.012.265.930.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.065.223.814.670)	(2.719.513.507.825)
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.218.305.184	3.702.118.323
- Nguyên giá	228		15.083.084.551	12.105.405.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.864.779.367)	(8.403.287.328)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	81.553.783.697	12.688.286.616
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.507.071.630.467</b>	<b>5.515.502.671.749</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>10</b>	2.920.083.892.070	2.904.783.892.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>11</b>	2.798.733.240.787	2.799.062.040.787
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	160.185.874.301	195.250.449.076
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>13</b>	(371.931.376.691)	(383.593.710.184)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>352.811.361.231</b>	<b>336.034.993.338</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>14</b>	323.304.064.565	326.265.900.317
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>15</b>	27.549.832.953	7.773.292.850
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.957.463.713	1.995.800.171
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.787.905.816.043</b>	<b>15.480.126.179.381</b>



*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01-DN**  
Đơn vị: VND

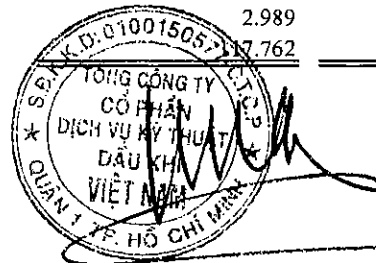
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>8.307.529.524.670</b>	<b>8.506.834.730.139</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.063.569.736.825</b>	<b>6.558.698.416.057</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	617.974.067.223	922.832.135.323
2. Phải trả người bán	312		2.462.276.707.818	1.889.318.170.645
3. Người mua trả tiền trước	313		1.809.979.384.884	1.560.950.154.066
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	167.501.974.665	132.367.074.536
5. Phải trả người lao động	315		116.127.833.491	200.934.654.250
6. Chi phí phải trả	316	18	593.090.139.653	269.807.307.280
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.092.522.541.891	1.439.054.214.997
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		204.097.087.200	143.434.704.960
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.243.959.787.845</b>	<b>1.948.136.314.082</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		132.535.870.219	265.071.740.439
2. Phải trả dài hạn khác	333		12.050.000	12.050.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	20	1.081.608.721.528	1.683.052.523.643
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		29.803.146.098	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>7.480.376.291.373</b>	<b>6.973.291.449.242</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>7.480.376.291.373</b>	<b>6.973.291.449.242</b>
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.531.440.738.203	1.111.628.012.143
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		260.993.287.945	203.411.767.990
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.181.320.995.225	1.151.630.399.109
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>15.787.905.816.043</b>	<b>15.480.126.179.381</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ (USD)			14.569.102	22.814.718
- Bảng Anh (GBP)			2.989	2.131
- Đô la Singapore (SGD)			237.762	-



Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 

J017  
CF  
C  
ÁCH  
DE  
VI  
/



**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

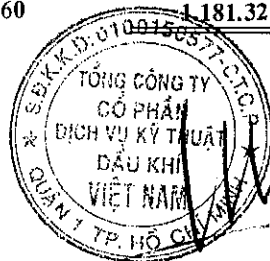
**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	12.698.577.424.933	8.570.264.989.067
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp (10=01)	10		12.698.577.424.933	8.570.264.989.067
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	11.606.800.181.717	7.379.727.006.292
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch (20=10-11)	20		1.091.777.243.216	1.190.537.982.775
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	717.914.163.875	704.351.450.545
6. Chi phí tài chính	22	26	114.032.033.304	243.378.134.537
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	46.498.400.759	75.237.035.048
7. Chi phí bán hàng	24		57.765.331.767	45.512.499.657
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		379.721.992.840	313.782.558.296
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.258.172.049.180	1.292.216.240.830
10. Thu nhập khác	31		125.556.492.216	61.550.809.681
11. Chi phí khác	32		6.050.396.941	18.177.869.814
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	119.506.095.275	43.372.939.867
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.377.678.144.455	1.335.589.180.697
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	216.133.689.333	230.484.453.407
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	15	(19.776.540.103)	3.055.157.684
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.181.320.995.225	1.102.049.569.606

Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

2500

INH  
 ĐNG  
 NHÌEM  
 LỒI  
 ET N  
 TP.H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.377.678.144.455	1.335.589.180.697
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	360.170.805.400	369.885.373.686
Các khoản dự phòng	03	1.291.915.101	63.287.195.161
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.398.915.443	32.102.196.319
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(702.113.664.857)	(663.219.293.694)
Chi phí lãi vay	06	46.498.400.759	75.237.035.048
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.102.924.516.301	1.212.881.687.217
Thay đổi các khoản phải thu	09	(825.717.088.713)	(296.743.739.117)
Thay đổi hàng tồn kho	10	28.030.322.360	(49.387.188.443)
Thay đổi các khoản phải trả	11	582.405.325.632	692.957.334.789
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.811.128.782	12.307.382.846
Tiền lãi vay đã trả	13	(86.565.872.133)	(234.678.857.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(188.603.579.519)	(254.178.933.880)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	67.778.000	113.253.786
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(106.045.751.449)	(74.059.107.389)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	510.306.779.261	1.009.211.831.936
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37.716.596.267)	(37.511.309.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10.156.481.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	200.440.532.965
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.971.200.000)	(1.311.337.834.192)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	36.197.370.505	250.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	691.847.030.462	684.663.148.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	685.513.085.700	(213.745.461.640)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.042.307.330.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.463.872.936	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(704.316.141.026)	(905.081.813.348)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(535.741.247.835)	(736.729.393.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.234.593.515.925)	(599.503.876.766)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(38.773.650.964)	195.962.493.530
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.776.639.583	(7.409.753.279)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.891.236.059.482	2.924.233.070.863

002-G  
 NH  
 TỶ  
 HỮU H  
 TẾ  
 M  
 CH

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.009 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.004 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình

#### Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, cần.

1001  
CI  
C  
RÁC  
DI  
V  
VI.

9 

Uau

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty mẹ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty mẹ được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty mẹ được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03 - 05

002-  
ANH  
TY  
HUUH  
TTE  
IAM  
10 CH

Nllee

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được phân bổ trong 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

**Công ty mẹ là bên cho thuê**

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Công ty mẹ là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Ngoại tệ**

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2014  
CHI  
CỨ  
KHN  
DEI  
VIỆ  
1-1

Uuu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

500  
NHÀ  
NG  
HIỆM  
DIT  
TN  
P.H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.640.925.380	1.851.082.508
Tiền gửi ngân hàng	808.748.251.324	1.348.838.671.295
Các khoản tương đương tiền	2.079.846.882.778	1.573.543.317.060
	<b><u>2.891.236.059.482</u></b>	<b><u>2.924.233.070.863</u></b>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4% đến 6%/năm và bao gồm số tiền 3.146.882.778 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty mẹ và số tiền 2.000.000.000 đồng là khoản ký quỹ để được thực hiện dịch vụ cung ứng lao động.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các Công ty con (i)	883.897.493.204	883.195.019.936
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	11.691.853.169	11.691.853.169
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu (iii)	587.655.082.100	561.165.082.100
Yinson Offshore LTD	-	4.262.499.740
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iv)	230.819.875.570	230.819.875.570
Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (v)	124.740.417.492	135.242.585.846
Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte)	-	4.059.696.445
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (vi)	16.850.156.471	2.927.589.014
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (Petechim)	-	18.360.000.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Bien Dong POC)	2.322.297.651	23.719.193.800
Giá trị XD/CB điều chỉnh tạm thời của KTNN năm 2012	-	11.316.565.122
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (vii)	52.345.374.030	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	89.385.784.972	-
Tổ hợp nhà thầu JGCS (viii)	75.200.802.393	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd (ix)	24.961.765.703	-
Talisman Malaysia Limited (x)	56.924.499.844	16.483.209.377
Phải thu khác	59.950.689.000	29.866.820.552
	<b><u>2.216.746.091.599</u></b>	<b><u>2.161.740.266.559</u></b>

(i) Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con. Trong đó bao gồm các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng tài sản và các khoản giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con.

(ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
 Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	972.109.556.790	70.833.623.846	46.379.288.975	2.922.943.460.524	4.012.265.930.135
Tăng trong năm	-	10.403.606.560	6.240.867.409	12.623.145.455	29.267.619.424
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.716.699.289	-	-	-	5.716.699.289
Tăng khác	5.243.800.168	-	-	-	5.243.800.168
Thanh lý, nhượng bán	-	(341.808.641)	(37.011.000)	(13.814.167.858)	(14.192.987.499)
Giảm khác	-	-	(648.715.293)	-	(648.715.293)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>983.070.056.247</b>	<b>80.895.421.765</b>	<b>51.934.430.091</b>	<b>2.921.752.438.121</b>	<b>4.037.652.346.224</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	429.188.313.907	30.090.364.409	33.168.516.055	2.227.066.313.454	2.719.513.507.825
Khấu hao trong năm	75.929.279.987	9.589.336.517	7.492.347.508	2.65.698.349.349	358.709.313.361
Tăng khác	1.640.330.184	-	-	-	1.640.330.184
Thanh lý, nhượng bán	-	(270.146.867)	(37.011.000)	(13.668.199.965)	(13.975.357.832)
Giảm khác	-	-	(619.070.526)	(44.908.342)	(663.978.868)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>506.757.924.078</b>	<b>39.409.554.059</b>	<b>40.004.782.037</b>	<b>2.479.051.554.496</b>	<b>3.065.223.814.670</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<b>476.312.132.169</b>	<b>41.485.867.706</b>	<b>11.929.648.054</b>	<b>442.700.883.625</b>	<b>972.428.531.554</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>542.921.242.883</b>	<b>40.743.259.437</b>	<b>13.210.772.920</b>	<b>695.877.147.070</b>	<b>1.292.752.422.310</b>

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty mẹ là 1.306 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.271 tỷ đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng với nguyên giá là 1.661 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.173 tỷ đồng).

Nau

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Bến số 2 - Cảng Tổng hợp Dung Quất	51.440.892.500	-
Hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung	15.746.865.753	-
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Nhà văn phòng PTSC Hà Nội	2.784.490.476	1.925.111.065
Phần mềm quản lý nhân sự	-	1.079.746.500
Khác	2.960.881.948	1.062.776.031
	<b>81.553.783.697</b>	<b>12.688.286.616</b>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	31/12/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	100,00%	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	100,00%	628.160.788.070	100,00%	628.160.788.070
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95%	339.807.000.000	84,95%	339.807.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19%	285.581.000.000	95,19%	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69%	218.773.000.000	54,69%	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61%	208.645.000.000	59,61%	208.645.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00%	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam (*)	51,00%	15.300.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	51,00%	204.000.000.000	50,61%	204.000.000.000
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	51,00%	597.817.104.000	51,00%	597.817.104.000
		<b>2.920.083.892.070</b>		<b>2.904.783.892.070</b>

(\*) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam ("PV Security"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 420.000 cổ phần của Công ty TNHH MTV Lạc-Hóa dầu Bình Sơn tại công ty PV Security, theo đó, số lượng cổ phần sở hữu của Công ty mẹ tại PV Security tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ, lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PV Security đã trở thành công ty con của Công ty mẹ theo quy định.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Tên công ty	31/12/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	33,00%	106.022.400	33,00%	106.022.400
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	49,00%	292.324.455.887	49,00%	292.324.455.887
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00%	583.995.300.000	60,00%	583.995.300.000
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	51,00%	340.800.232.500	51,00%	330.029.032.500
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	51,00%	1.069.026.300.000	51,00%	1.069.026.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	42,05%	215.648.500.000	42,05%	215.648.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	49,95%	124.875.000.000	49,95%	124.875.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	-	37,00%	11.100.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28,75%	171.957.430.000	28,75%	171.957.430.000
		<u>2.798.733.240.787</u>		<u>2.799.062.040.787</u>

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (PTSC SEA) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC) thuê phục vụ khai thác dầu, khí tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613.449.590 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

HẠN CHẾ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,90% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12	63.902.830.591	98.967.405.366
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.126.510.000	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u><b>160.185.874.301</b></u>	<u><b>195.250.449.076</b></u>

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản cho vay này 2.988.906 Đô la Mỹ, tương đương 63.902.830.591 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư khoản cho vay này 4.696.854 Đô la Mỹ, tương đương 98.967.405.366 đồng).

**13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-ĐN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	4.742.079.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	285.581.000.000	285.581.000.000
PTSC		
	<b>285.581.000.000</b>	<b>290.323.079.733</b>

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	3.389.442.323
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	49.772.465.642	55.579.294.613
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	1.315.069.171	-
	<b>51.087.534.813</b>	<b>58.968.736.936</b>

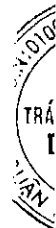
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	485.276.668	324.328.305
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	6.600.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	15.032.231.500	15.032.231.500
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
	<b>35.262.841.878</b>	<b>34.301.893.515</b>

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính như sau:

	Đầu tư vào Công ty con	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	290.323.079.733	58.968.736.936	34.301.893.515	383.593.710.184
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	1.315.069.171	960.948.363	2.276.017.534
Hoàn nhập dự phòng	(4.742.079.733)	(9.196.271.294)	-	(13.938.351.027)
Tại ngày 31/12/2014	<b>285.581.000.000</b>	<b>51.087.534.813</b>	<b>35.262.841.878</b>	<b>371.931.376.691</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	313.390.953.975	317.886.539.863
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.913.110.590	8.379.360.454
	<b>323.304.064.565</b>	<b>326.265.900.317</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	15.665.955.302	(6.804.271.866)	4.367.152.556	(2.400.385.458)	10.828.450.534
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(5.118.568.398)	4.030.177.812	(4.367.152.556)	2.400.385.458	(3.055.157.684)
Tại ngày 31/12/2013	10.547.386.904	(2.774.094.054)	-	-	7.773.292.850
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	21.903.713.096	(2.127.172.993)	-	-	19.776.540.103
Tại ngày 31/12/2014	<b>32.451.100.000</b>	<b>(4.901.267.047)</b>	-	-	<b>27.549.832.953</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn (*)	5.463.872.936	228.630.275.888
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	612.510.194.287	694.201.859.435
	<b>617.974.067.223</b>	<b>922.832.135.323</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với lãi suất là 7,7%/năm, ngày đáo hạn là ngày 16 tháng 1 năm 2015.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.365.731.051	35.146.391.693
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.422.630.846	76.892.521.032
Thuế thu nhập cá nhân	6.922.856.332	4.688.598.482
Các loại thuế khác	30.773.488.262	15.639.563.329
	<b>167.501.974.665</b>	<b>132.367.074.536</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

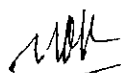
Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	35.146.391.693	456.605.155.970	466.385.816.612	25.365.731.051
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.590.442.251	27.590.442.251	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	16.968.629.475	16.951.361.301	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.892.521.032	216.133.689.333	188.603.579.519	104.422.630.846
Thuế thu nhập cá nhân	4.688.598.482	47.512.646.100	45.278.388.250	6.922.856.332
Thuế nhà đất	-	2.486.126.440	2.486.126.440	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Thuế TNDN nhà thầu phụ	4.235.126.589	102.133.306.315	98.001.744.560	8.366.688.344
Thuế GTGT nhà thầu phụ	11.404.436.740	233.582.947.038	222.580.583.860	22.406.799.918
Thuế môn bài nhà thầu phụ	-	41.273.553	41.273.553	-
Tiền thuê đất	-	12.686.633.198	12.686.633.198	-
Phí và các khoản lệ phí khác	-	706.538.492	706.538.492	-
	<b>132.367.074.536</b>	<b>1.116.459.388.165</b>	<b>1.081.324.488.036</b>	<b>167.501.974.665</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.572.281.670
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	14.142.028.031	20.740.832.873
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	104.637.167.612
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	13.253.587.022	16.566.983.777
Chi phí thực hiện dự án PVN12	41.080.884.797	30.639.586.866
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	147.505.000.000	-
Chi phí dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	37.146.692.300	-
Chi phí các gói thầu trong dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	175.744.061.316	-
Chi phí gói dự án Thái Bình Hàm Rồng	12.556.047.113	-
Chi phí liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	41.444.878.536	-
Chi phí phải trả khác	13.644.678.868	650.454.482
	<b>593.090.139.653</b>	<b>269.807.307.280</b>

002-C  
ANH  
TY  
HỮU H  
TTE  
NAM  
HỒ CHÁI






**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1% đến 10,6% đối với Đồng Việt Nam và từ 1,633% đến 5,65% đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 8 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tương đương 59.271.250 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 82.017.069 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	612.510.194.287	694.201.859.435
Trong năm thứ hai	599.369.989.341	613.639.856.129
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	482.238.732.187	1.049.224.995.514
Sau năm năm	-	20.187.672.000
	<b>1.694.118.915.815</b>	<b>2.377.254.383.078</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 16)	(612.510.194.287)	(694.201.859.435)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.081.608.721.528</b>	<b>1.683.052.523.643</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446,700,421	446,700,421
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446,700,421	446,700,421
Số lượng cổ phần đang lưu hành	446,700,421	446,700,421

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2013: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51.38	2,295,000,000,000	51.38	2,295,000,000,000
Công ty TNHH Vina Capital	6.12	273,403,700,000	-	-
Corporate Financial Việt Nam				
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	3.14	140,196,000,000	5.84	260,945,000,000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5.79	258,800,740,000	6.14	274,181,740,000
Vốn góp của các cổ đông khác	33.57	1,499,603,770,000	36.64	1,636,877,470,000
	<b>100.00</b>	<b>4,467,004,210,000</b>	<b>100.00</b>	<b>4,467,004,210,000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
 Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU B 09-DN

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>2.978.020.940.000</b>	<b>486.293.000.000</b>	<b>1.019.651.628.514</b>	<b>165.091.224.982</b>	<b>815.991.689.665</b>	<b>5.465.048.483.161</b>
Tăng vốn trong năm	1.042.307.330.000	-	-	-	1.102.049.569.606	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	91.976.383.629	38.320.543.008	(245.258.555.662)	1.102.049.569.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(114.961.629.025)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(521.152.304.500)
Tăng vốn từ thặng dư cổ phần	446.675.940.000	(446.675.940.000)	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>39.617.060.000</b>	<b>1.111.628.012.143</b>	<b>203.411.767.990</b>	<b>1.151.630.399.109</b>	<b>6.973.291.449.242</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.181.320.995.225	1.181.320.995.225
Phân phối lợi nhuận	-	-	419.812.726.060	57.581.519.955	(615.589.893.909)	(138.195.647.894)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>39.617.060.000</b>	<b>1.531.440.738.203</b>	<b>260.993.287.945</b>	<b>1.181.320.995.225</b>	<b>7.480.376.291.373</b>

Theo Nghị quyết số 380/QĐ-DVK.T-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2013 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 57.581.519.955 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 138.195.647.893 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 419.812.726.060 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2013 và đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

Klein

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	287.123.064.899	272.456.507.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.411.454.360.034	8.297.808.481.985
	<b><u>12.698.577.424.933</u></b>	<b><u>8.570.264.989.067</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	281.023.901.567	264.471.456.506
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.325.776.280.150	7.115.255.549.786
	<b><u>11.606.800.181.717</u></b>	<b><u>7.379.727.006.292</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	968.665.446.793	462.390.350.273
Chi phí nhân công	677.048.083.265	602.545.389.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	360.170.805.400	369.885.373.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.712.867.645.372	6.310.535.612.753
Chi phí khác	285.548.016.222	129.018.659.063
	<b><u>12.004.299.997.052</u></b>	<b><u>7.874.375.385.264</u></b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.510.380.034	124.459.503.866
Cổ tức, lợi nhuận được chia	604.194.875.945	558.843.171.288
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.882.959.221	19.904.989.166
Doanh thu sử dụng vốn nội bộ	2.325.948.675	1.143.786.225
	<b><u>717.914.163.875</u></b>	<b><u>704.351.450.545</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	46.498.400.759	75.237.035.048
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	16.688.510.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.398.915.443	32.102.196.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.293.988.300	11.325.885.339
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.662.333.493)	52.365.188.311
Chi phí tài chính khác	33.503.062.295	55.659.319.512
	<b><u>114.032.033.304</u></b>	<b><u>243.378.134.537</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2014	2013
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	9.558.914.728	-
Thu từ phạt, bồi thường	2.107.779.064	1.933.839.179
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	29.621.687.266	-
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	18.320.980.480	-
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hoá	51.900.455.017	-
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	10.410.540.000	25.258.369.270
Chênh lệch đánh giá lại tài sản khí góp vốn	-	6.903.284.511
Thu nhập khác	3.636.135.661	7.136.044.023
	<b>125.556.492.216</b>	<b>61.550.809.681</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt, bồi thường	189.139.969	587.199.754
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.150.505.850	-
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans	-	5.833.899.600
Các khoản chi phí khác	4.710.751.122	11.756.770.460
	<b>6.050.396.941</b>	<b>18.177.869.814</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>119.506.095.275</b>	<b>43.372.939.867</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1.377.678.144.455	1.335.589.180.697
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(559.305.485.727)	(478.698.258.660)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	164.053.201.880	65.046.891.593
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>982.425.860.608</b>	<b>921.937.813.630</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>216.133.689.333</b>	<b>230.484.453.407</b>

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

**29. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuế tàu hoạt động và thuế đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuế là 2.559 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.460 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	1.699.582.788.751	2.605.884.658.966
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.891.236.059.482	2.924.233.070.863
Nợ thuần	(1.191.653.270.731)	(318.348.411.897)
Vốn chủ sở hữu	7.480.376.291.373	6.973.291.449.242
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.891.236.059.482	2.924.233.070.863
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.210.059.100.701	4.897.911.869.625
Đầu tư tài chính dài hạn	124.923.032.423	160.948.555.561
Các khoản ký quỹ	2.013.463.713	2.120.800.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.228.231.656.319</b>	<b>7.985.214.296.220</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.699.582.788.751	2.605.884.658.966
Phải trả người bán và phải trả khác	3.680.532.487.155	3.586.943.592.408
Chi phí phải trả	593.090.139.653	269.807.307.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.973.205.415.559</b>	<b>6.462.635.558.654</b>

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.564.714.162.193	3.783.544.478.715	3.184.728.472.857	3.167.385.040.538
Bảng Anh (GBP)	97.858.222	6.303.774.358	1.997.958.081	6.107.696.748
Đô la Singapore (SGD)	1.866.054.297	6.466.886.581	-	5.832.365.048

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty mẹ sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	68.999.284.467	30.807.971.909

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 33.991.655.775 đồng (2013: 47.545.087.662 đồng).

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.891.236.059.482	-	-	2.891.236.059.482
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.210.059.100.701	-	-	5.210.059.100.701
Đầu tư tài chính dài hạn	-	124.923.032.423	-	124.923.032.423
Các khoản ký quỹ	56.000.000	1.957.463.713	-	2.013.463.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.101.351.160.183</b>	<b>126.880.496.136</b>	<b>-</b>	<b>8.228.231.656.319</b>
31/12/2014				
Các khoản vay	617.974.067.223	1.081.608.721.528	-	1.699.582.788.751
Phải trả người bán và phải trả khác	3.547.984.566.936	132.547.920.219	-	3.680.532.487.155
Chi phí phải trả	593.090.139.653	-	-	593.090.139.653
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.759.048.773.812</b>	<b>1.214.156.641.747</b>	<b>-</b>	<b>5.973.205.415.559</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.342.302.386.371</b>	<b>(1.087.276.145.611)</b>	<b>-</b>	<b>2.255.026.240.760</b>

002-  
NH  
TY  
HUUH  
TE  
AM  
5CH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2014	2013
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	26.673.456.000	18.893.926.400
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	525.171.582.365	28.582.404.428
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.023.657.418	737.402.197.587
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	34.992.092.045	-
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.710.828.096	13.521.251.512
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	83.005.491.933	112.012.088.402
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	7.371.576.484	8.035.414.618
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	4.878.503.465	3.949.331.956
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	63.568.628.882	41.658.239.235
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	410.530.415.740	818.173.935.586
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	23.649.388.700	25.204.090.159
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	-	2.107.490.926
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	197.944.775.523	-
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	566.885.556.641	3.190.123.496.471
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	34.563.214.776	29.460.832.324
<b>Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:</b>		
	2014	2013
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	14.798.258.223	15.527.863.636

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	442.519.421.436	442.519.421.436
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	70.647.079.041	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.029.885.600	3.631.301.570
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	252.102.400	7.141.411.883
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	27.603.042.058	48.610.067.819
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.755.787.980	4.242.318.886
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	2.943.728.937	2.544.851.409
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	28.914.000	28.914.000
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	16.985.958.066	7.193.244.591
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	116.345.267.050	334.020.431.294
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	1.432.781.848	9.751.021.867
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	10.940.863.574	3.752.446.749
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	21.872.407.555	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	8.473.667.561	-
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	89.326.375.605	321.844.506.564

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16.850.156.471	2.927.589.014
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	587.655.082.100	561.165.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	355.560.293.062	366.062.461.416
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	52.345.374.030	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	390.684.215	-
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	883.897.493.204	883.195.019.936



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

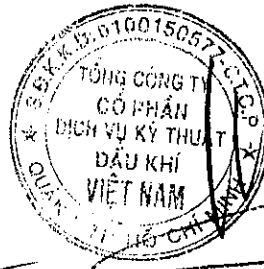
**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	-	228.630.275.888
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	514.668.152.761	732.282.265.084

Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam





**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA  
VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **504** /DVKT-TCKT  
V/v: Giải trình chênh lệch số liệu  
Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm  
2014 sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 03 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Ngày 20/03/2015, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã phát hành Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính năm 2014 sau kiểm toán đạt 1.181.321 triệu đồng, tăng so với lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính năm 2014 do PTSC lập là 10.529 triệu đồng, tương đương tăng 0,90%. Biến động này chủ yếu là do:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính do PTSC lập, một số khoản doanh thu cung cấp dịch vụ ở nước ngoài chưa đủ căn cứ, chứng từ, xác nhận để làm cơ sở cho việc ghi nhận theo quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính thì các căn cứ, chứng từ, xác nhận đã được tập hợp đầy đủ nên PTSC đã thực hiện ghi nhận doanh thu này vào kết quả kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

- PTSC thực hiện hoàn nhập một số khoản chi phí trích trước mà đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đã được quyết toán.

Tổng công ty PTSC trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Lưu: VT, Ban TCKT-NQC

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM VĂN MẬU**  
**TỔNG CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT**  
**DẦU KHÍ**  
**VIỆT NAM**  
QUAN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

**Nguyễn Văn Mậu**